

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 13-4-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dưỡng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Thanh Xuân;

Bà Dương Thị Quyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liếng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 3 năm 2026 và ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở 02 Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 145/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Minh S, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995.

Nơi thường trú: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi tạm trú: 1 Đường Đ, Khu phố Đ, phường D, thành phố Hồ Chí Minh.

(Anh S có đơn xin vắng mặt, chị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo lời trình bày của nguyên đơn Lê Minh S:** Vào năm 2011, anh Lê Minh S và chị Nguyễn Thị T yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới cho anh S, chị T. Anh S, chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh An Giang) vào ngày 03/01/2014. Trong quan hệ hôn nhân anh Lê Minh S và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh ngày 16/7/2012 và Lê

Nguyễn Trọng K, sinh ngày 11/10/20218 (cháu D và K hiện đang sống chung với anh S). Anh Lê Minh S và chị Nguyễn Thị T sống với nhau thời gian đầu có hạnh phúc nhưng dần về sau thì cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm sống nên không còn hạnh phúc và đã ly thân không hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có sống chung lại cũng không hạnh phúc nên anh Lê Minh S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Anh Lê Minh S yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T vì tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Anh Lê Minh S yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh ngày 16/7/2012 và Lê Nguyễn Trọng K, sinh ngày 11/10/20218 vì cháu D và K hiện đang sống chung với anh S. Anh Lê Minh S không yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh Lê Minh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo lời trình bày của bị đơn Nguyễn Thị T:** Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình thì yêu cầu ly hôn của anh Lê Minh S với chị Nguyễn Thị T là có căn cứ.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tiếp tục giao 02 con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh ngày 16/7/2012 và Lê Nguyễn Trọng K, sinh ngày 11/10/20218 cho anh Lê Minh S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn Lê Minh S trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Lê Minh S vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, bị đơn Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng

vắng mặt không có lý do nên vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: anh Lê Minh S và chị Nguyễn Thị T sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh An Giang) vào ngày 03/01/2014 nên hôn nhân của anh Lê Minh S và chị Nguyễn Thị T là hợp pháp.

Anh Lê Minh S trình bày trong thời gian sống chung thì anh Lê Minh S và chị Nguyễn Thị T phát sinh nhiều mâu thuẫn và cự cãi nhau do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng anh chị đã ly thân và không hàn gắn lại được. Nay anh Lê Minh S khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Đồng thời sau khi thụ lý vụ án thì Tòa án đã 02 lần thông báo hòa giải đoàn tụ nhưng chị Nguyễn Thị T không đến Tòa án để hòa giải, điều này thể hiện ý chí của chị Nguyễn Thị T không muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh Lê Minh S và chị Nguyễn Thị T đoàn tụ về sống chung lại, trong khi anh Lê Minh S thì cương quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Từ những phân tích trên, xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh Lê Minh S và chị Nguyễn Thị T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh Lê Minh S là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Minh S.

[2.2] Về con chung: Anh Lê Minh S trình bày có 02 con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh ngày 16/7/2012 và Lê Nguyễn Trọng K, sinh ngày 11/10/20218 (cháu D và K hiện đang sống chung với anh S). Nay ly hôn anh Lê Minh S yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh ngày 16/7/2012 và Lê Nguyễn Trọng K, sinh ngày 11/10/20218 vì 02 cháu D và K hiện đang sống chung với anh S và có nguyện vọng sống chung với anh S. Chị Nguyễn Thị T thì không có ý kiến về con chung và không có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy cháu 02 cháu D và K hiện đang sống chung với anh Lê Minh S và có nguyện vọng sống chung với anh S nên nghĩ tiếp tục giao 02 cháu D và K cho anh Lê Minh S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Lê Minh S cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị Nguyễn Thị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Lê Minh S quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Nguyễn Thị T.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Minh S không yêu cầu, chị Nguyễn Thị T không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Minh S không yêu cầu, chị Nguyễn Thị T thì không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.*”, vậy anh Lê Minh S phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0003765 ngày 07-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, anh Lê Minh S đã nộp đủ án phí. chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Minh S.

1. Về hôn nhân: Anh Lê Minh S được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao 02 cháu D và K cho anh Lê Minh S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Lê Minh S cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị Nguyễn Thị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Lê Minh S quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Nguyễn Thị T.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Minh S không yêu cầu, chị Nguyễn Thị T không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Minh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Nguyễn Thị T không có ý kiến và yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

5. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Anh Lê Minh S phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0003765 ngày 07-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, anh Lê Minh S đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí.

6. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại của Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Thạnh Mỹ Tây, tỉnh An Giang
(UBND xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú,
tỉnh An Giang cũ (Giấy kết hôn số: 05 ngày
03-01-2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Dưỡng

